

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2018
Về tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hiền Tự
2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Toàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử công khai vụ án thụ lý số 448/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoài T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị Tr, sinh năm ; địa chỉ: ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

4. *Con chung:* Cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014; cùng địa chỉ với anh T: ấp X, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Hoài T trình bày yêu cầu:

Ngày 25/11/2015 anh với chị D thuận tình ly hôn với nhau, con chung cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 anh đồng ý giao cho chị D nuôi và thỏa thuận anh không cấp dưỡng. Sau khi ly hôn chị D không trực tiếp nuôi con mà giao cho mẹ của chị D tên Ngô Thị Tr nuôi, nhưng vì thương con nên anh đã thường xuyên đến nhà bà Tr đưa con đi học và xin bà Tr rớt con về nhà anh để thuận tiện chăm sóc con, bà Tr có nói cho anh biết hiện nay chị D đã có chồng và chuẩn bị sinh con, nên không có điều kiện để tiếp tục chăm sóc và lo cho con. Nên anh yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu được quyền nuôi con là cháu V và không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé D vắng mặt nên không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018 đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tr trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị D, bà với chị D biết việc anh T yêu cầu thay đổi quyền nuôi con đối với cháu V, nhưng do chị D đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, chị D cũng đã có chồng khác, đã có thai và chuẩn bị sinh con, nên không có mặt để giải quyết vụ án theo Tòa án thông báo, nhưng chị D với bà cũng đồng ý giao cháu V cho anh T nuôi theo anh T yêu cầu. Ngoài ra bà với chị D không có yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cùng với tài liệu chứng cứ, lời khai của các đương sự cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện tại Điều 191, quan hệ pháp luật tranh chấp tại Điều 28, thẩm quyền giải quyết tại Điều 35 và Điều 39, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97, thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203.

[2] Xét về sự vắng mặt của bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, có thông báo về kết quả phiên họp và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 10/4/2018 và ngày 24/4/2018. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân do bà Tr trực tiếp nhận, bà Tr cũng nhận thay cho chị D và có cam kết giao lại cho chị D, nhưng các đương sự cố tình vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xét xử vắng mặt chị D với bà Tr.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T về việc đòi thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014. Qua tài liệu chứng cứ cùng với lời khai của các đương sự đã cho thấy từ sau khi chị D và anh T ly hôn với nhau, cháu V đã được anh T đưa đón đi học, chăm sóc, yêu thương, nuôi dưỡng và tại thời điểm giải quyết vụ án cháu V sống chung với anh T, điều này cũng được bà Tr thừa nhận. Song song đó bà Tr và chị D cũng thống nhất giao cháu V cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, đây được coi là tình tiết sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo yêu cầu của anh T, cũng như theo đề nghị của Kiểm sát viên. Tòa án có giải thích cho đương sự biết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng anh T không yêu cầu, nên không xem xét. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định, các đương sự khác không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài T.

1. Giao cháu Nguyễn Cát Tường V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 cho anh Nguyễn Hoài T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2. Vấn đề cấp dưỡng cho con: Không xem xét.

3. Vấn đề thăm nom con: Chị Nguyễn Thị Bé D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Hoài T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Bé D chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm 300.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại anh Nguyễn Hoài T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012816 ngày 21/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà C.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*Nãõ kỳù*)

Kim Thị Hồng Nga